

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2021/DS-ST

Ngày: 01-12-2021.

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Hoàng Nguyên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Sang.
2. Bà Nguyễn Thị Thúy Liễu.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Huê – Thư ký, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh:***  
Ông Nguyễn Văn Trường – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 695/2021/TLST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/2021/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2021/QĐST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hiền P, sinh năm 1991. (Vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp H, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Bà Bùi Phương N, sinh năm 1965. (Vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp H, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Hiếu T sinh năm 1961. (Vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp H, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 4 năm 2017 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hiền P có ý kiến trình bày và yêu cầu như sau:*

Vào ngày 07/02/2017 âm lịch chị Nguyễn Thị Hiền P có cho bà Bùi Phương N và ông Nguyễn Hiếu T vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận bằng 5%/tháng, thời hạn vay là 12 tháng, mục đích vay dùng để cho con học nghề. Từ khi vay có đóng lãi nhưng không nhớ cụ thể bằng bao nhiêu. Đến ngày 17/02/2019 thì bà N, ông T không đóng lãi nữa. Nay chị P khởi kiện yêu cầu bà Bùi Phương N phải trả cho chị P số tiền vay vốn gốc bằng 20.000.000 đồng và lãi suất tính đến ngày 17/4/2021 bằng 8.362.000 đồng (với mức 1,66%/tháng).

*\* Bị đơn bà Bùi Phương N có ý kiến trình bày và yêu cầu như sau:*

Bà thống nhất lời trình bày của chị Nguyễn Thị Hiền P về số tiền vay, lãi suất cũng như mục đích và thời hạn trả. Sau khi vay thì bà đóng lãi nhiều lần nhưng không nhớ cụ thể bao nhiêu lần và bao nhiêu tiền. Bà có liên hệ để trả nợ gộp lãi và vốn thành 25.000.000 đồng, bà sẽ trả góp mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến hết, nhưng bà P không đồng ý, do đó bà nhờ Tòa án giải quyết.

*\* Bị đơn ông Nguyễn Hiếu T có ý kiến trình bày và yêu cầu như sau:* Ông thống nhất như lời trình bày của bà N.

*- Tại phiên tòa sơ thẩm:*

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hiền P có đơn xin xét xử vắng mặt, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không thay đổi, bổ sung hay rút yêu cầu khởi kiện.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh có quan điểm:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử: thẩm quyền thụ lý vụ án; quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết; tư cách pháp lý; thời hạn xét xử; thủ tục tiến hành hòa giải; thu thập chứng cứ; cấp, tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự, Viện kiểm sát; thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 68; Điều 97; Điều 177; Điều 196; Điều 203; Điều 205; Điều 208; Điều 209; Điều 210; Điều 211; Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: đã tuân theo đúng các quy định tại Điều 239; Điều 243; Điều 247; Điều 249; Điều 250; Điều 251; Điều 252; Điều 260 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án, Vị kiểm sát viên đề xuất:

+ Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị

quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

+ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hiền P: Buộc bà Bùi Phương N cùng chồng là ông Nguyễn Hiếu T có nghĩa vụ trả cho chị P số tiền nợ vay là 20.000.000 đồng. Về lãi suất là 10%, từ ngày 17/02/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, vụ án được xác định là tranh chấp hợp đồng vay. Về thẩm quyền giải quyết, căn cứ vào khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện, nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý giải quyết là đúng. Về xác định tư cách đương sự, xác minh thu thập chứng cứ đều thực hiện theo các quy định tại các Điều 68 và Điều 97 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nội dung vụ án:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hiền P khởi kiện yêu cầu bị đơn là bà Bùi Phương N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hiếu T có nghĩa vụ thanh toán cho chị P 20.000.000 đồng vốn gốc. Chứng minh cho yêu cầu của mình chị P có cung cấp cho Tòa án tờ giấy nợ đề ngày 07/02/2017 có chữ ký của bà N.

Bị đơn bà Bùi Phương N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hiếu T đều thừa nhận tờ giấy nợ và còn nợ lại 20.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy sự kiện vay giữa nguyên đơn và bị đơn đối với giấy nợ ngày 07/02/2017 là sự kiện có thật chứng minh bằng sự thừa nhận của nguyên đơn, bị đơn không cần phải chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có đủ căn cứ để chấp nhận, bà Bùi Phương N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hiếu T có nghĩa vụ thanh toán cho chị Nguyễn Thị Hiền P số tiền vay vốn gốc còn nợ bằng 20.000.000 đồng.

[3] Về lãi suất: Nguyên đơn trình bày mức lãi suất là 5%/tháng và phía bị đơn đóng lãi đến ngày 17/02/2019, nguyên đơn yêu cầu mức lãi suất 1,66%/tháng tương đương 20%/tháng và tính từ ngày 17/02/2019 cho đến khi trả xong vốn gốc. Bị đơn cho rằng mức lãi suất là 10.000.000 đồng mỗi tháng đóng 600.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy tờ giấy nợ không nêu rõ mức lãi suất, các bên có thỏa

thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn là 20%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử tính lại lãi suất như sau:

Từ ngày 17/02/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 01/12/2021 là 33 tháng 14 ngày

$20.000.000 \text{ đồng} \times 33 \text{ tháng } 14 \text{ ngày} \times 10\%/năm = 5.577.700 \text{ đồng}$

[4] Từ những căn cứ trên. Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn tổng cộng bằng 25.577.700 đồng (Trong đó vốn gốc bằng 20.000.000 đồng, lãi suất tính đến ngày 01/12/2021 bằng 5.577.700 đồng).

[4] Lời trình bày của vị kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành có căn cứ để chấp nhận.

[5] Về án phí: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 91; Điều 147 và Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hiền P.

Tuyên xử: Buộc bị đơn bà Bùi Phương N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hiếu T có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hiền Phương tổng cộng bằng 25.577.700 đồng (Trong đó vốn gốc bằng 20.000.000 đồng, lãi suất tính đến ngày 01/12/2021 bằng 5.577.700 đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án (tất cả các khoản tiền) theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Về án phí sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thị Hiền P không phải chịu án phí nên hoàn trả lại cho chị P tiền tạm ứng án phí đã nộp bằng 716.000 đồng theo biên lai thu số 0005452 ngày 28/4/2021, nhận lại tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn bà Bùi Phương N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hiếu T phải chịu 1.278.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Về quyền kháng cáo đối với bản án: Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã nơi đương sự cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS ND H. Châu Thành;
- Cc. THA DS H. Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS (VP).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Hoàng Nguyên**